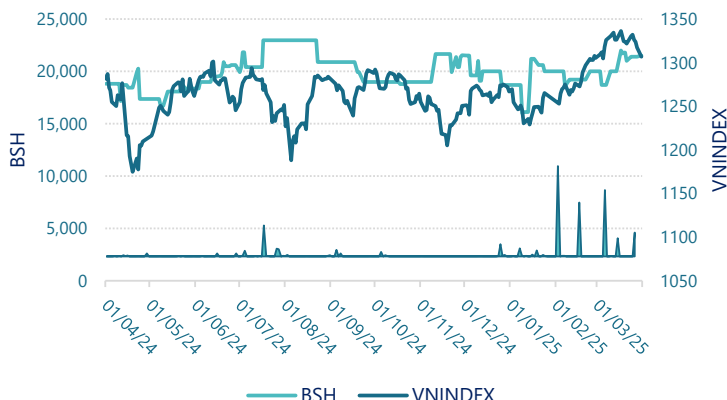


CTCP Bia Sài Gòn - Hà Nội (UPCOM: BSH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,972
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
SL cổ phiếu LH	18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	520
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	387
P/E	11.5
EPS	1,863

DT thuần

Q1/25

109

tỷ VNĐ

QoQ: ▼44.0| -29.0%

YoY: ▼21.0| -16.5%

LN sau thuế

Q1/25

-1.36

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.87| -118%

YoY: ▼7.46| -122%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.3%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

2024

638

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0| 4.8%

LN sau thuế

2024

41.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.40| -17.0%

ROE

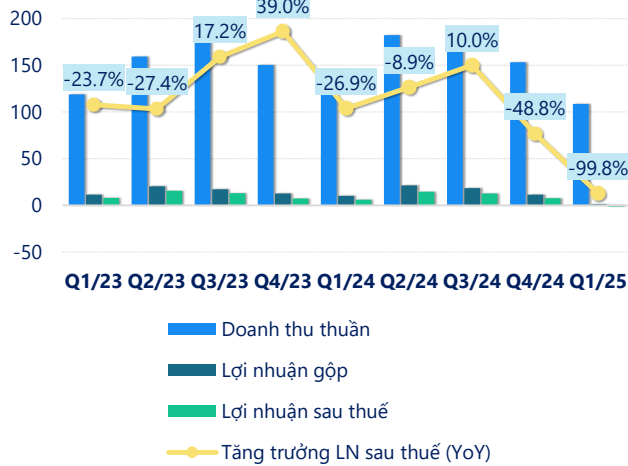
2024

13.4%

+/- YoY: ▼ 3.1%

tỷ VNĐ

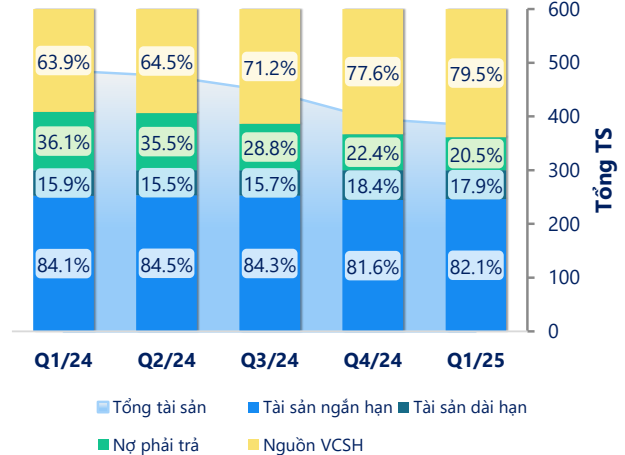
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

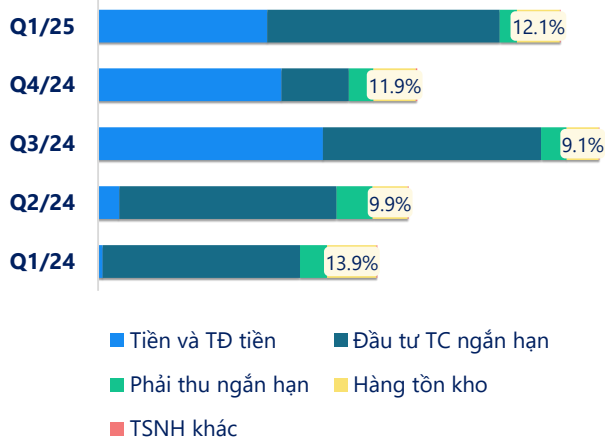
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



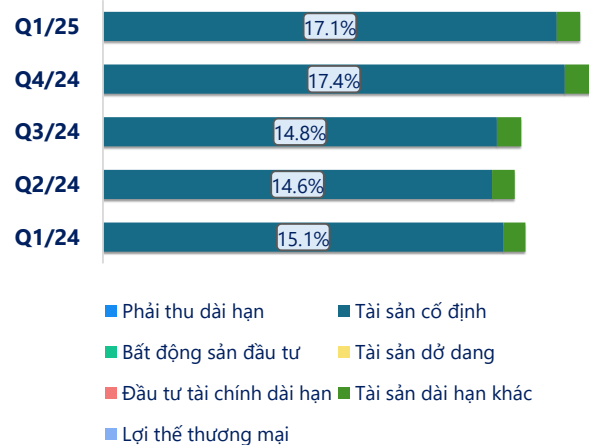
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

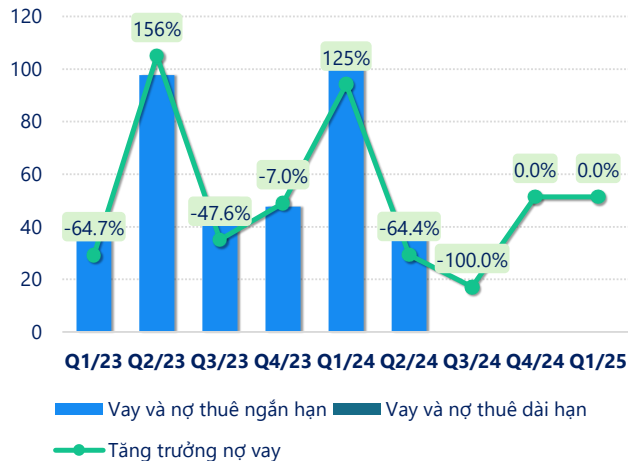
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

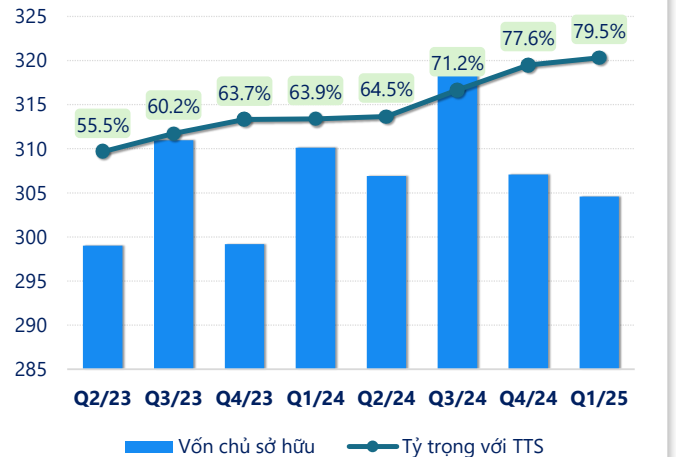
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

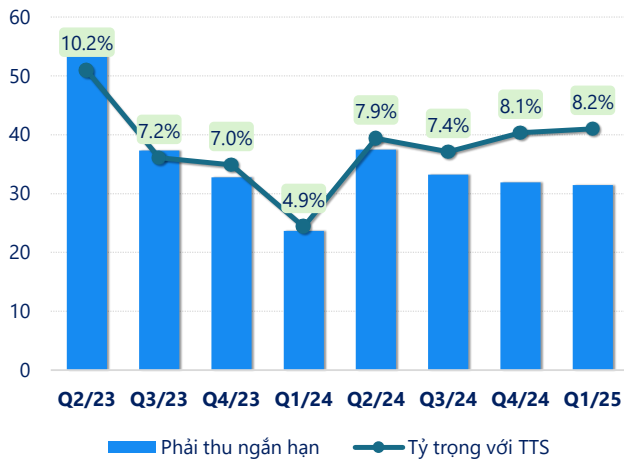
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



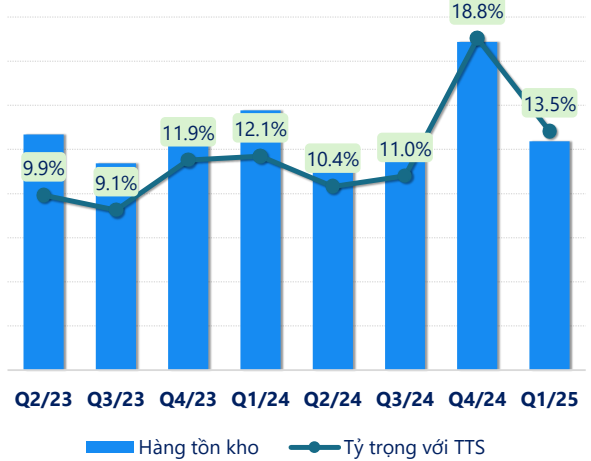
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


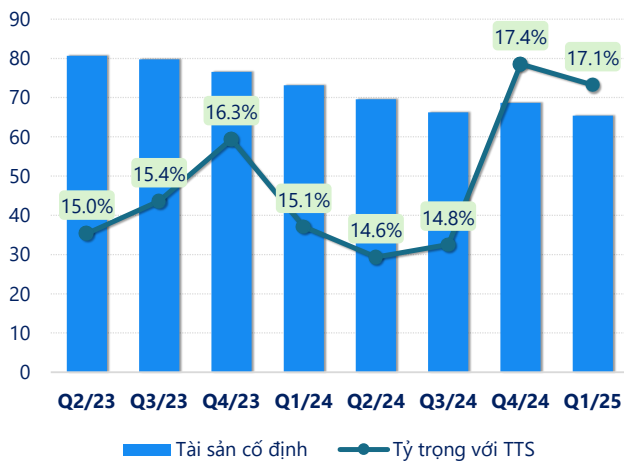
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


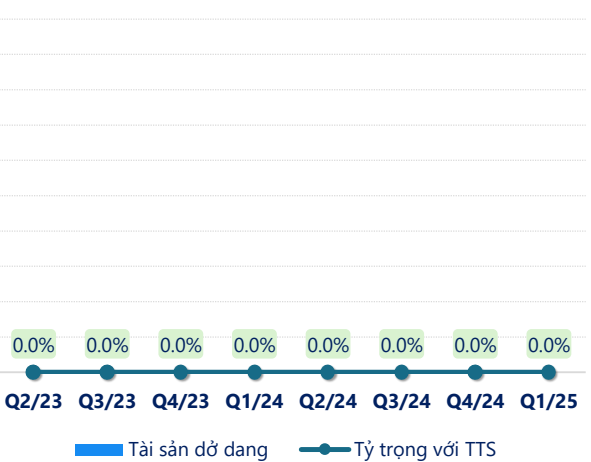
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

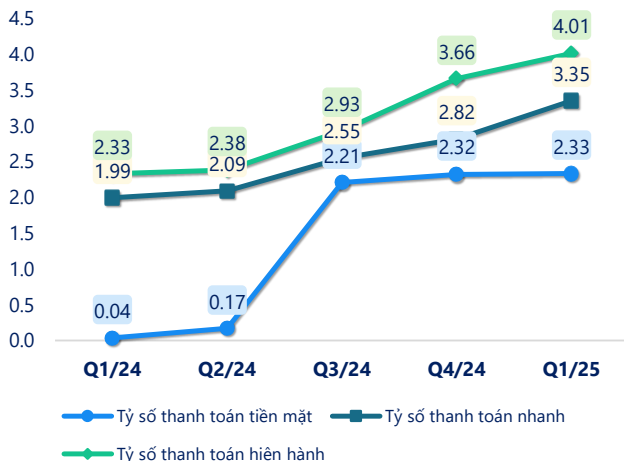
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

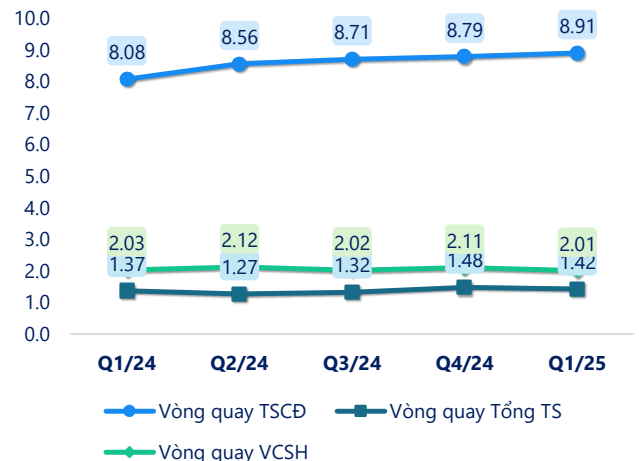
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	486	476	447	396	383
Tài sản ngắn hạn	408	402	377	323	315
Tiền và tương đương tiền	6.37	28.4	284	205	183
Đầu tư tài chính ngắn hạn	318	285	10.0	10.0	47.0
Phải thu ngắn hạn	23.7	37.5	33.2	31.9	31.5
Hàng tồn kho	58.8	49.5	49.2	74.3	51.9
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	1.43	0.92	1.66	1.24
Tài sản dài hạn	77.2	73.7	70.4	72.8	68.8
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	73.1	69.6	66.3	68.7	65.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.01	4.08	4.15	4.14	3.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	176	169	129	88.5	78.7
Nợ ngắn hạn	175	169	129	88.2	78.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	107	38.0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.58	17.2	8.41	15.2	9.50
Nợ dài hạn	0.24	0.24	0.25	0.25	0.32
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	310	307	319	307	305
Vốn chủ sở hữu	310	307	319	307	305
Vốn điều lệ	180	180	180	180	180
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)